

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CỬA LÒ
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc.**

Bản án số: 31/2023/DS- ST

Ngày: 24/8/2023

“V/v tranh chấp giao dịch dân sự”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CỬA LÒ- TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: ông Hoàng Thế Lan

- Các hội thẩm nhân dân: 1. bà Nguyễn Thị Trà Giang.

2. bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thu Hiền- Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Cửa Lò.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Hương- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cửa Lò.

Trong các ngày 23 và 24/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 17/2023/TLST- DS ngày 13/6/2023 về việc “tranh chấp giao dịch dân sự”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST- DS ngày 09/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1994

Trú tại: thôn Thành Long, xã Xuân Thành, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị P, sinh năm 1962

Trú tại: Khối 6, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2023 và tại các bản tự khai cũng như phần trình bày tại Tòa án, nguyên đơn- anh Trịnh Văn Q trình bày: Do có mối quen biết qua bạn bè, bà Trần Thị P trú tại khối 6, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh

Nghệ An thỏa thuận làm thủ tục cho anh đi xuất khẩu lao động tại Úc với giá thỏa thuận là 22.000 USD. Ngày 28/8/2019 anh Q đã giao cho bà P số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và một số giấy tờ như hộ chiếu, giấy chứng nhận tốt nghiệp PTTH. Khi giao tiền và giấy tờ có lập thành văn bản, bà Trần Thị P đã ký nhận đầy đủ, có thỏa thuận thời gian chờ đợi là 4 tháng nếu không đi được bà P sẽ hoàn lại số tiền đã nhận. Chờ đợi đã lâu, anh Q không đi xuất khẩu lao động tại Úc được và bà P cũng không trả lại tiền. Anh Q đã nhiều lần yêu cầu trả nhưng bà P không thực hiện. Do vậy anh làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Cửa Lò, yêu cầu bà Trần Thị P trả lại cho anh số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và lãi suất tạm tính đến ngày 31/7/2023 ($70.000.000đ \times 0,8\%/1 \text{ tháng} \times 43 \text{ tháng} = 24.080.000đ$), thời gian tính lãi từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/7/2023).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải. Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải, bà Trần Thị P đã thừa nhận là đã thỏa thuận làm thủ tục đưa anh Trịnh Văn Q đi xuất khẩu tại Úc, sau khi thỏa thuận bà không ký bất cứ văn bản nào và cũng không nhận của anh Q tiền mà chỉ nhận hồ sơ do anh Q đưa. Trong quá trình làm thủ tục và học tiếng tại Công ty ở Thái Nguyên, toàn bộ chi phí ăn, ở và tiền học của anh Q do bà P tự lo, do Q có hoàn cảnh khó khăn không có tiền để nộp. Bà P thừa nhận trong quá trình đề tạo điều kiện cho anh Q đi Úc thông qua một công ty ở thành phố Vinh đưa anh Q đi DUBAI, với số tiền là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), trong đó anh trai Q có gửi cho bà 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng) và bà cho Q vay thêm 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Bà Trần Thị P không chấp nhận yêu cầu của anh Q buộc bà phải trả số tiền cả gốc và lãi suất là 94.080.000đ. Đồng thời bà P có làm đơn phản tố yêu cầu anh Trịnh Văn Q phải trả cho bà số tiền mà bà đã bỏ ra cho Q vay trong thời gian ăn học tiếng tại Thái Nguyên và tiền đi DUBAI tổng là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) bao gồm: tiền ăn học ở Thái Nguyên 48.000.000đ; tiền vay đi DUBAI 30.000.000đ và tiền vé từ DUBAI về Việt Nam là 12.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện đòi lại tài sản với bị đơn là bà Trần Thị P, có địa chỉ tại khối 6, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, Nghệ An. Căn cứ vào khoản 1 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân thị xã cửa Lò, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về yêu cầu phản tố của bà Trần Thị P: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 13/7/2023 Tòa án nhận được đơn yêu cầu phản tố của bà Trần Thị P yêu cầu anh Trịnh Văn Q phải trả cho bà Phương số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Sau khi nhận đơn yêu cầu phản tố của bà Phương, ngày 17/7/2023, Tòa án đã ra thông báo cho bà Phương nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng sau khi hết thời hạn đã ghi trong thông báo, Tòa án không nhận được biên lai thu tiền tạm ứng án phí do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò phát hành, cũng như không nhận được đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí và án phí của bà Trần Thị P. Do vậy, Tòa án không thụ lý yêu cầu phản tố của bà Trần Thị P (Điều 146; 195; 200 và Điều 202 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án).

Về giám định chữ ký: Tại biên bản hòa giải bà Trần Thị P cho rằng chữ ký tại văn bản thỏa thuận mà anh Q cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký của bà. Do vậy bà yêu cầu trung cầu giám định. Trong quá trình cán bộ Tòa án hướng dẫn làm thủ tục trung cầu giám định, bà P đã rút yêu cầu giám định tại biên bản lấy lời khai ngày 14/7/2023. Do vậy Tòa án không tiến hành trung cầu giám định. Tại phiên tòa, bà Trần Thị P lại yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết trong văn bản thỏa thuận mà anh Q đã nộp cho Tòa án. Nhưng do trước đó, bà P đã được hướng dẫn thủ tục yêu cầu giám định nhưng đã từ chối việc giám định, do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bà P tại phiên tòa.

Đồng thời, tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 259 BLTTDS tạm ngừng phiên tòa để tiến hành giám định chữ viết và chữ theo yêu cầu của bà Trần Thị P. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hướng dẫn bà P làm thủ tục giám định nhưng bà P đã từ chối việc giám định, không cần phải tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ về vấn đề này nữa. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu

tạm ngừng phiên tòa theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục việc xét xử.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và giấy giao nhận tiền cùng giấy tờ liên quan đề ngày 28/8/2018 giữa bên giao là anh Trịnh Văn Q và bên nhận là bà Trần Thị P. Trong giấy giao nhận tiền có ký xác nhận của người giao là anh Q và người nhận là bà Trần Thị P. Do vậy tranh chấp giữa nguyên đơn- anh Trịnh Văn Q với bị đơn- bà Trần Thị P là tranh chấp quyền đòi lại tài sản, tranh chấp dân sự (khoản 3 Điều 26 BLTTDS).

Tại phiên tòa, sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đề nghị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Kiểm sát viên cho rằng, tại phiên tòa, Kiểm sát viên yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự để tạm ngừng phiên tòa để bà Trần Thị P thực hiện yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết, nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận, nên Kiểm sát viên không phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng cũng như nội dung và đường lối giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa theo đúng trình tự mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

[2]. Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy.

[2.1]. Đối với số tiền 70.000.000đ mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án có căn cứ xác định: Bị đơn bà Trần Thị P có nhận của anh Trịnh Văn Q số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) cùng các giấy tờ khác, theo giấy thỏa thuận về việc làm thủ tục đi xuất khẩu lao động đề ngày 28/8/2018 và cam kết trả lại tiền nếu anh Q không đi xuất khẩu được. Xét thấy bà Trần Thị P không có chức năng và không được cấp phép trong hoạt động đưa người đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Do vậy giao dịch giữa anh Q với bà P bị vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật (Điều 123 BLDS). Xét hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu, không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên và khôi phục lại tình trạng ban đầu hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Vì vậy anh Trịnh Văn Q đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà

Trần Thị P phải trả số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận (Điều 131 BLDS).

[2.2]. Về lãi suất: tại phiên tòa, nguyên đơn- anh Trịnh Văn Q rút yêu cầu đối với lãi suất trên số tiền 70.000.000đ. Xét thấy, việc rút yêu cầu về lãi suất của anh Quý là tự nguyện, không bị ép buộc, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với việc rút yêu cầu lãi suất này (Điều 244 BLTTDS).

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bà Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 3.500.000đ ($70.000.000 \times 5\% = 3.500.000$ đ) (Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016).

Trả lại cho anh Trịnh Văn Q số tiền 1.750.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001394 ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã của Lò, tỉnh Nghệ An.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 123 và Điều 131 BLDS. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị P phải trả cho anh Trịnh Văn Q số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu trả lãi suất của anh Trịnh Văn Q.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Trần Thị P phải chịu 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Trịnh Văn Q 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001394 ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- CQ THA thị xã Cửa Lò;
- TAND tỉnh NA;
- Lưu HS.

Hoàng Thế Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN: THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Trà Giang

Hoàng Thế Lan

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Cửa Lò;
- CQ THA thị xã Cửa Lò;
- TAND tỉnh NA;
- lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Hoàng Thế Lan